

Bản án số: 249/2022/HS-ST
Ngày 19-8-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Liêng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Anh Tuấn.

2. Ông Nguyễn Đức Lợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Trung Hiếu, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tố Mai - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 181/2022/TLST-HS ngày 13 tháng 6 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 248/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Đào Thành H, sinh năm 1975 tại tỉnh Hà Nam; thường trú: Thôn D, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Lớp 12/12; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông Đào Thành H (đã chết) và bà Hà Thị Kim S (đã chết); vợ tên Cao Thị Yến N, sinh năm 1979; có 01 con sinh năm 2005; có 05 anh em ruột, lớn nhất sinh năm 1973, nhỏ nhất sinh năm 1984; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giam ngày 11/11/2021, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Đặng Thị T, sinh năm 1968; thường trú: Số 241, đường L, khu phố T, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1/ Bà Lê Thị H1, sinh năm 1952; thường trú: Số 54/31, tổ 19, khu phố C, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

2/ Ông Đinh Xuân T, sinh năm 1957; thường trú: Số 88/8 đường L, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

3/ Ông Nguyễn Đức M, sinh năm 1960; thường trú: Số 54/2A, đường L, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

4/ Ông Trần Khắc H, sinh năm 1963; thường trú: Số 399/17/6, phường 7, thành phố V, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Vắng mặt.

5/ Ông Tô Minh C, sinh năm 1965; thường trú: Số 13/22, Phường 9, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

6/ Ông Lê Văn T, sinh năm 1975; địa chỉ: Nhà C3, khu biệt thự H, trung tâm hành chính thành phố D, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

7/ Bà Cao Thị Yến N, sinh năm 1979; địa chỉ: Số 5H, đường 6, tổ 1, khu phố 3, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có mặt.

Người làm chứng: Anh Nguyễn Long H. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 4/2012, bà Đặng Thị T đã mua một phần đất với diện tích $7 \times 15\text{m} = 105\text{m}^2$ thuộc một phần thửa đất 3272, tờ bản đồ số 3TDH thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương của bà Lê Thị H1. Trong năm 2012, bà T đã thanh toán cho bà H1 240.000.000 (Hai trăm bốn mươi triệu) đồng, phần còn lại chờ đến khi bà H1 tách phần đất trên thành sổ riêng thì bà T thanh toán hết.

Đến năm 2017, bà T trao đổi với bà H1 về việc bà H1 sẽ trả 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) cho bà T tính theo giá trị đất thời điểm hiện tại do đất không tách thửa được thì bà H1 đồng ý và hứa trong thời hạn 45 ngày sẽ thanh toán kể từ ngày cam kết là ngày 17/6/2017. Tuy nhiên, đến tháng 8/2019, bà H1 vẫn không thực hiện cam kết. Ông Nguyễn Đức M là hàng xóm của bà T biết được sự việc trên nên đã giới thiệu Đào Thành H cho bà T (do H từng đến gặp ông M tự xưng mình là cán bộ địa chính có thể giúp bà T lấy lại được đất). Khi H gặp bà T, H tự xưng là cán bộ địa chính phường T và hứa sẽ giúp bà T lấy lại được tiền từ bà H1, trong trường hợp không lấy lại được tiền thì sẽ giúp đỡ bà H1 chuyển nhượng sang tên quyền sử dụng đất cho bà T. Sau đó, ông Đinh Xuân T là chồng của bà T dẫn H đến nhà bà H1 ở số 54/31 Tổ 19, Nguyễn Thị Khấp, phường Tân Đông Hiệp, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để thông báo với bà H1 việc H sẽ nhận ủy quyền của bà T làm việc với bà H1. Do tin tưởng H là cán bộ địa chính và hứa sẽ giúp mình nên sáng ngày 08/11/2019, bà T ký giấy ủy quyền cho Đào Thành H nhưng không công chứng, chứng thực mục đích để thay mặt bà T liên hệ với bà H1 yêu cầu bà H1 thanh toán lại tiền cọc hoặc làm đơn ngăn chặn tất cả các giao dịch liên quan đến thửa đất. Chiều ngày 08/11/2019, H cầm theo giấy ủy quyền đến nhà bà H1 thỏa thuận bà H1 sẽ trả cho bà T tổng số tiền 240.000.000 đồng (Hai trăm bốn mươi triệu đồng) nhưng sẽ trả làm nhiều lần và H đã nhận của bà H1 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng). Sau khi nhận tiền của bà H1, H không đưa lại cho bà T mà đưa ra thông

tin giả là bà H1 đồng ý giao đất nhưng việc tách sổ phải mất chi phí, bà H1 không còn tiền để lo chi phí. Tin tưởng H nên ngày 25/11/2019, bà T đưa cho H số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) để làm chi phí tách thửa đất. Đến ngày 15/01/2020, H tiếp tục nhận của bà H1 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng) là tiền bà H1 trả cho bà T và nhận thêm 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Tổng số tiền bà H1 đưa cho H là 190.000.000 đồng (Một trăm chín mươi triệu đồng) nhưng H không giao lại cho bà T.

Ngày 19/7/2020, H tiếp tục yêu cầu bà T đưa số tiền 135.000.000 đồng (Một trăm ba mươi lăm triệu đồng) để H làm thủ tục tách thửa. Sau khi nhận tiền, H hứa 15 ngày sau sẽ ra sổ, nhưng thực tế H không làm thủ tục này và cũng không thể làm được. Đến hạn không thấy H giao sổ đất, bà T liên lạc với H nhưng không được nên đã liên hệ bà H1 thì được biết bà H1 đã đưa cho H tổng số tiền 190.000.000 đồng. Do đó, ngày 27/4/2021 bà T đã làm đơn tố cáo H về hành vi chiếm đoạt tài sản. Ngày 11/11/2021, Đào Thành H đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D đầu thú về hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra, xác định được: Tháng 8/2008, ông Tô Minh C mua 01 thửa đất số 3272, tờ bản đồ số 3TDH thuộc khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương của bà Dương Thị S (người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) và có thay đổi cơ sở pháp lý về việc nhận chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất trên (mang tên ông Tô Minh C). Đến tháng 8/2011, ông C nhận tiền cọc của bà Lê Thị H1 nhằm mục đích bán thửa đất cho bà H1. Tuy nhiên, khoảng 3-4 năm sau bà H1 vẫn không thanh toán đủ số tiền trên. Bà H1 giới thiệu ông Hồ Khắc H là người quen biết của bà H1 sẽ thanh toán đủ số tiền còn lại cho ông Cường để ông T thay bà H1 nhận chuyển nhượng diện tích đất trên. Thông qua môi giới bất động sản thì ông Lê Văn T được biết thửa đất số 3272, tờ bản đồ số 3TDH thuộc khu phố Đ, phường T cần bán nên ông T liên hệ. Sau khi thỏa thuận, ông H nhờ ông C ký hợp đồng chuyển nhượng cho ông Lê Văn T. Ngày 03/3/2020, ông C và ông T đã ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thửa đất số 3272, tờ bản đồ số 3TDH tại Văn phòng công chứng P (ông C ủy quyền cho ông Đặng Anh T1). Sau khi mua thửa đất trên, ông T làm các thủ tục sang tên chủ sở hữu đất mang tên Lê Văn T, thửa đất đổi thành thửa số 3272, tờ bản đồ số 8 (được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp CS27744 vào ngày 10/3/2020). Sau khi nhận chuyển nhượng thì ông T làm thủ tục tách thửa nhưng chưa được duyệt. Đến ngày 03/9/2020, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố D ban hành Quyết định số 4714 về việc phê duyệt đủ điều kiện tách thửa. Ngày 04/11/2020 ông T nộp hồ sơ tách thửa đất và sau đó bán cho người khác. Ông C, ông T, ông H không quen biết Đào Thành H và H cũng không liên hệ để trao đổi về việc tách thửa đất.

Ngày 24/9/2021, Ủy ban nhân dân phường T có Công văn số 563/UBND-TD phúc đáp xác định Ủy ban nhân dân phường T không có cán bộ tên Đào Thành H.

Ngày 15/9/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố D có Công văn phúc đáp số 3544 thể hiện thông tin biến động ngày 10/3/2020 cấp

giấy chứng nhận cho ông Lê Văn T tại thửa đất số 3272, tờ bản đồ số 3TDH thuộc khu phố Đông Chiêu, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Ngày 04/11/2020, ông T nộp hồ sơ tách thành 06 thửa đất và đã chuyển nhượng. Đối với xác minh thửa đất có được quyền tách thửa hay không thì theo Quyết định số 4714 ngày 03/9/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố D về việc phê duyệt đủ điều kiện tách thửa đất thì đã tách thành 06 thửa theo đơn đề nghị của chủ sở hữu là ông Lê Văn T.

Tại Kết luận giám định số 428/GĐ-PC09 ngày 11/10/2021 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương kết luận về chữ viết, chữ ký trên Giấy ủy quyền, Biên nhận, Giấy biên nhận, Giấy nhận tiền, Giấy mượn tiền như sau:

“1. Chữ viết có nội dung “=240.000 (Hai trăm bốn mươi triệu)” trên “Biên nhận”, đề ngày 08/11/2019 và 15/01/2020 (ký hiệu A2) so với chữ viết của “Đào Thanh H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) không phải do cùng một người viết ra.

2. Chữ ký và chữ viết mang tên “Đào Thanh H” (trừ kết luận tại mục 1) trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu từ A1 đến A5) so với chữ ký và chữ viết của Đào Thanh H trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M3) do cùng một người ký và viết ra.”.

Về trách nhiệm dân sự: Bà Đặng Thị T yêu cầu Đào Thành H bồi thường số tiền 425.000.000 đồng.

Tại Cáo trạng số 206/CT-VKS ngày 13 tháng 6 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố Đào Thành H về tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án từ 08 năm đến 09 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Đào Thành H bồi thường cho bà Đặng Thị T số tiền 425.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, trong phần nói lời sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Đặng Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 425.000.000đ, về trách nhiệm hình sự bà T yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến tranh luận gì.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình tố tụng, bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Đinh Xuân T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; các đương sự Lê Thị H1, Trần Khắc H, Tô Minh C, Lê Văn T vắng mặt, quá trình điều tra các đương sự không có yêu cầu gì. Do đó, căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Căn cứ vào lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, tại phiên tòa, lời khai của bị hại, những người tham gia tố tụng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ, có đủ cơ sở xác định: Khoảng tháng 11/2019, khi biết bà Đặng Thị T muốn lấy lại tiền từ bà Lê Thị H1 do liên quan đến việc mua bán đất, Đào Thành H dùng thủ đoạn gian dối tự xưng là cán bộ địa chính phường T, thành phố D để bà T tin tưởng lập hợp đồng ủy quyền cho H đến làm việc với bà H1 để yêu cầu trả tiền cọc đất hoặc làm đơn ngăn chặn tất cả các giao dịch liên quan đến thửa đất thực hiện việc tách thửa. Tổng cộng số tiền H đã chiếm đoạt của bà T là 425.000.000đ. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

Cáo trạng số 206/CT-VKS-DA ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố D và luận tội của Kiểm sát viên truy tố đối với bị cáo là có căn cứ đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là rất nghiêm trọng đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Về ý thức chủ quan, bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi dùng thủ đoạn gian dối để lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị hại là vi phạm pháp luật, nhưng vì tham lam tư lợi bị cáo đã cố tình thực hiện. Với bị cáo cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức răn đe và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo có tình tiết tăng nặng là phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo được xem xét khi quyết định hình phạt: Tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo; ăn năn hối cải; bị cáo đầu thú, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s

khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[6] Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự.

[7] Trách nhiệm dân sự: Bà Đặng Thị T yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 425.000.000đ, tại phiên tòa bị cáo đồng ý nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[8] Đối với số tiền 40.000.000đ Đào Thành H và vợ Cao Thị Yên N vay của ông Đinh Xuân T thể hiện tại Giấy vay tiền ngày 22/7/2020 (BL 307) đã được bà N trả cho ông T, đồng thời các bên xác định đây là khoản tiền vay cá nhân không liên quan gì đến số tiền phạm tội. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến. Hành vi dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt số tiền 425.000.000đ của bị cáo Đào Thành H thì bà N không biết, do đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Dĩ An không xem xét là đúng quy định. Đối với quan hệ giao dịch giữa bà Lê Thị H1 với bà Đặng Thị T, tại phiên tòa bà T xác định không tranh chấp và không có yêu cầu gì trong vụ án này, nếu các bên có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành vụ án dân sự do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Mức hình phạt, về trách nhiệm dân sự như Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp nên chấp nhận.

[10] Án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đào Thành H phạm tội Lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Đào Thành H 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/11/2021.

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 468, 584, 589 Bộ luật Dân sự; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 19/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Buộc bị cáo Đào Thành H có nghĩa vụ bồi thường cho bà Đặng Thị T số tiền 425.000.000 (bốn trăm hai mươi lăm triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường

vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đào Thành H phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 21.000.000 (hai mươi một triệu) đồng án phí dân sự bồi thường.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND thành phố Dĩ An (01);
- VKSND tỉnh Bình Dương (01);
- Công an thành phố Dĩ An (01);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- Phòng PV06 CA tỉnh Bình Dương (01);
- UBND nơi cư trú của bị cáo (01);
- Người tham gia tố tụng (08);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Liễu

